

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết
so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp
huyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh An Giang Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn huyện Châu Phú và Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh An Giang Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn huyện Phú Tân.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC – VPCP;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh; Đoàn Đại biểu Quốc hội AG;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Vương Bình Thạnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI
QUYẾT SO VỚI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUNG ÁP DỤNG TẠI
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3405/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của
UBND tỉnh An Giang)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH			
1.	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
2.	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	09 ngày làm việc
3.	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	09 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ			
4.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke (do cơ quan cấp giấy phép kinh doanh cấp huyện cấp)	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET			
5.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc

IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
6.	Thủ tục Thành lập nhà trường, nhà trẻ	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
7.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
8.	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
9.	Thủ tục Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
10.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
11.	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường tiểu học	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
12.	Thủ tục Giải thể trường tiểu học	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
13.	Thủ tục Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
14.	Thủ tục Giải thể Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	Không quy định	12 ngày làm việc
15.	Thủ tục Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
16.	Thủ tục Thành lập, cho phép thành lập trường Trung học cơ sở	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
17.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục trường Trung học cơ sở	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
18.	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc

19.	Thủ tục Giải thể trường trung học cơ sở	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
20.	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ chế giáo dục mầm non dân lập	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
21.	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ chế giáo dục mầm non công lập	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
22.	Thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Chưa quy định	2 ngày làm việc
23.	Thủ tục Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thực	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
24.	Thủ tục cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thực	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
25.	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ tư thực	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
26.	Thủ tục Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
27.	Thủ tục Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
28.	Thủ tục Sáp nhập, chia, tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	35 ngày làm việc	28 ngày làm việc
29.	Thủ tục công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Chưa quy định	32 ngày làm việc
30.	Thủ tục công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
31.	Thủ tục Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	05 ngày làm việc	2 ngày làm việc
32.	Thủ tục Quy trình đánh giá, xếp loại “ Cộng đồng học tập” cấp xã	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

33.	Thủ tục Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở	07 ngày làm việc	5,5 ngày làm việc
34.	Thủ tục Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
35.	Thủ tục Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi	65 ngày làm việc	55 ngày làm việc
V. LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ			
36.	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
VI. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH			
37.	Thủ tục điều chỉnh thu ngân sách Nhà nước	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
38.	Thủ tục Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện (Dự án nhóm C)	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
VII. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH			
39.	Thủ tục đăng ký thành lập hộ kinh doanh	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc
40.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc
41.	Thủ tục tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc
42.	Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không quy định	02 ngày làm việc
43.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc

VIII. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ			
44.	Thủ tục đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
45.	Thủ tục đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
46.	Thủ tục đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
47.	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã chia	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
48.	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã tách	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
49.	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
50.	Thủ tục đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
51.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Khi bị mất)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
52.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
53.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
54.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
55.	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc

	hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)		
56.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
57.	Thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc

IX. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

58.	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
-----	--	------------------	------------------

X. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA

59.	Thủ tục cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
60.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
61.	Thủ tục cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
62.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
63.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
64.	Thủ tục cấp lại giấy kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc

65.	Thủ tục thẩm định, xác định địa điểm đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu phù hợp quy hoạch	22 ngày làm việc	17 ngày làm việc
XI. LĨNH VỰC KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG			
66.	Thủ tục thẩm định, xác nhận địa điểm đầu tư xây dựng, phát triển mới cửa hàng kinh doanh LPG chai phù hợp quy hoạch	17 ngày làm việc	14 ngày làm việc
XII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG			
67.	Thủ tục cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
68.	Thủ tục cấp sửa đổi bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
69.	Thủ tục cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
70.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
XIII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG			
71.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 15 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 10 ngày làm việc	- 12 ngày làm việc - 08 ngày làm việc
72.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối	20 ngày làm việc	16 ngày làm

	với công trình không theo tuyến		việc
73.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo (Công trình)	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo (Nhà ở)	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
74.	Thủ tục cấp giấy phép di dời công trình	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
75.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng có thời hạn (Công trình)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 20 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 15 ngày làm việc	- 16 ngày làm việc - 12 ngày làm việc
	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng có thời hạn (Nhà ở)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 15 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 10 ngày làm việc	- 12 ngày làm việc - 08 ngày làm việc
76.	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng (Công trình)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 20 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 15 ngày làm việc	- 16 ngày làm việc - 12 ngày làm việc
	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng (Nhà ở)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 15 ngày	- 12 ngày làm việc

		làm việc - Các huyện còn lại: 10 ngày làm việc	- 08 ngày làm việc
77.	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng (Công trình)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 15 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 10 ngày làm việc	- 12 ngày làm việc - 08 ngày làm việc
	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng (Nhà ở)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 10 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 07 ngày làm việc	- 08 ngày làm việc - 05 ngày làm việc
78.	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng (Công trình)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 15 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 10 ngày làm việc	- 12 ngày làm việc - 08 ngày làm việc
	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng (Nhà ở)	- TP.Long Xuyên, TP.Châu Đốc, TX. Tân Châu: 10 ngày làm việc - Các huyện còn lại: 07 ngày làm việc	- 08 ngày làm việc - 05 ngày làm việc
XIV. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG			

79.	Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng trong khu chức năng đặc thù thuộc thẩm quyền của UBND huyện	45 ngày làm việc	36 ngày làm việc
80.	Thủ tục Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
81.	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
82.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
83.	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
84.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
85.	Thủ tục thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc

	dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý		
86.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
87.	Thủ tục thẩm định đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
88.	Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
XV. LĨNH VỰC HẠ TẦNG ĐÔ THỊ			
89.	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng cho công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc
XVI. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			
90.	Thủ tục xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
91.	Thủ tục xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
XVII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			
92.	Thủ tục xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
XVIII. LĨNH VỰC THI ĐUA - KHEN THƯỞNG			

93.	Thủ tục điều chỉnh mức khen đối tượng nhân dân tham gia kháng chiến.	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
94.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
95.	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
96.	Thủ tục tặng danh hiệu khóm, ấp, tổ dân phố văn hóa	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
97.	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
98.	Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
99.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
100.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
101.	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	10 ngày làm việc	08 ngày làm việc
XIX. LĨNH VỰC TÔN GIÁO			
102.	Thủ tục đăng ký cho hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
103.	Thủ tục đăng ký cho dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc

	một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		
104.	Thủ tục đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
105.	Thủ tục chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	15 ngày làm việc	13 ngày làm việc
106.	Thủ tục chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
107.	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
108.	Thủ tục chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
109.	Thủ tục chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc